

KẾT QUẢ KỶ KIỂM TRA CẤP CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ, TIN HỌC NGÀY 29/5/2016

MÔN: TIẾNG ANH - TRÌNH ĐỘ B

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Khóa học		Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nói	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
						Từ	Đến							
1	Chu Thị Kim Anh	TAB01	30/6/1996	TT. Nénh - Việt Yên - Bắc Giang	TAB13	24/02/2016	24/5/2016	8,0	9,0	6,0	6,0	7,3	Khá	
2	Nguyễn Thị Phương Anh	TAB02	01/11/1985	Tân Thịnh - Lạng Giang - Bắc Giang	TAB13	24/02/2016	24/5/2016	7,0	8,0	8,0	7,0	7,5	Khá	
3	Hoàng Thị Bông	TAB03	05/02/1995	Kim Loan - Hạ Lang - Cao Bằng	TAB11	24/02/2016	24/5/2016	7,0	9,0	7,0	1,0	6,0	Không đạt	
4	Thao Văn Chênh	TAB04	09/01/1996	Na Mèo - Quan Sơn - Thanh Hóa	TAB11	24/02/2016	24/5/2016	8,0	9,0	7,5	7,5	8,0	Giỏi	
5	Lý Thị Công	TAB05	03/10/1994	Thạch Sơn - Sơn Động - Bắc Giang	TAB12	24/02/2016	24/5/2016	7,0	8,5	7,0	5,0	6,9	Trung bình	
6	Nguyễn Đình Cường	TAB06	13/9/1995	Tây Cốc - Đoàn Hùng - Phú Thọ	TAB10	24/02/2016	24/5/2016	6,5	9,0	6,0	6,5	7,0	Khá	
7	Giáp Mạnh Cường	TAB07	28/4/1996	Hồng Giang - Lục Ngạn - Bắc Giang	TAB10	24/02/2016	24/5/2016	7,5	8,0	5,0	6,0	6,6	Trung bình	
8	Vũ Đình Cường	TAB08	22/5/1992	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	TAB12	24/02/2016	24/5/2016	8,0	8,0	5,0	7,0	7,0	Trung bình	
9	Bàn Mạnh Cường	TAB09	27/01/1996	Tân Hòa - Bình Gia - Lạng Sơn	TAB7	12/9/2015	12/01/2016	7,0	7,5	6,0	6,0	6,6	Trung bình	x
10	Vũ Tiến Diện	TAB10	08/4/1995	Liên Sơn - Tân Yên - Bắc Giang	TAB10	24/02/2016	24/5/2016	8,5	6,5	6,5	8,0	7,4	Khá	
11	Trần Thị Dung	TAB11	23/3/1995	Bình Dương - Gia Bình - Bắc Ninh	TAB9	12/9/2015	12/01/2016	9,5	9,5	7,5	7,0	8,4	Giỏi	x
12	Vũ Anh Dũng	TAB12	02/8/1995	P. Lê Lợi - TP. Bắc Giang - Bắc Giang				7,0	7,0	7,5	7,0	7,1	Khá	
13	Lý Thị Duyên	TAB13	23/9/1996	Tiên Thắng - Yên Thế - Bắc Giang	TAB13	24/02/2016	24/5/2016	6,5	7,0	6,5	2,0	5,5	Không đạt	
14	Đình Thị Duyên	TAB14	16/02/1990	Vũ Thư - Thái Bình				7,0	7,0	7,0	7,0	7,0	Khá	
15	Dương Thị Thùy Dương	TAB15	26/6/1986	Vân Trung - Việt Yên - Bắc Giang				8,5	7,0	6,0	7,0	7,1	Khá	
16	Nguyễn Tiến Đạt	TAB16	03/10/1996	P. Đáp Cầu - TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	TAB10	24/02/2016	24/5/2016	8,0	6,5	6,5	1,0	5,5	Không đạt	
17	Phạm Văn Đô	TAB17	18/4/1996	Quốc Việt - Trảng Định - Lạng Sơn	TAB13	24/02/2016	24/5/2016	6,5	6,5	6,0	1,0	5,0	Không đạt	
18	Phạm Đức Đông	TAB18	29/10/1994	Tân Phong - Bình Xuyên - Vĩnh Phúc	TAB10	24/02/2016	24/5/2016	6,5	6,5	6,0	0,0	4,8	Không đạt	bỏ nói
19	Bùi Đình Đông	TAB19	03/8/1978	Việt Yên - Bắc Giang										*

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Khóa học		Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nói	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
						Từ	Đến							
20	Đoàn Trung Đức	TAB20	22/01/1993	Giao Long - Giao Thủy - Nam Định				7,0	7,0	8,0	7,0	7,3	Khá	
21	Nguyễn Thị Hương Giang	TAB21	09/3/1995	P. Quang Trung - TP. Phủ Lý - Hà Nam	TAB11	24/02/2016	24/5/2016	7,0	9,0	7,0	1,0	6,0	Không đạt	
22	Đinh Thu Hà	TAB22	10/01/1995	P. Hoàng Văn Thụ - TP. Lạng Sơn - Lạng Sơn	TAB10	24/02/2016	24/5/2016	6,0	8,0	7,5	1,0	5,6	Không đạt	
23	Vũ Thị Hà	TAB23	08/7/1996	Quang Lăng - Phú Xuyên - Hà Nội	TAB10	24/02/2016	24/5/2016	7,0	8,0	6,0	1,0	5,5	Không đạt	
24	Dương Thúy Hà	TAB24	19/01/1991	Kim Sơn - Gia Lâm - Hà Nội	TAB12	24/02/2016	24/5/2016	6,5	7,5	6,5	7,5	7,0	Khá	
25	Nguyễn Hồng Hà	TAB25	31/3/1994	Phổ Thuận - Đức Phổ - Quảng Ngãi	TAB12	24/02/2016	24/5/2016	7,0	7,5	6,5	8,0	7,3	Khá	
26	Phạm Thị Thanh Hà	TAB26	28/12/1995	P. Ngô Quyền - TP. Bắc Giang - Bắc Giang	TAB12	24/02/2016	24/5/2016	9,0	8,5	8,5	9,0	8,8	Giỏi	
27	Nguyễn Thị Thu Hà	TAB27	07/9/1996	Yên Sơn - Lục Nam - Bắc Giang	TAB13	24/02/2016	24/5/2016	9,0	9,0	6,0	1,0	6,3	Không đạt	
28	Nguyễn Thị Hà	TAB28	31/8/1995	Thụy Lương - Thái Thụy - Thái Bình	TAB13	24/02/2016	24/5/2016	6,5	9,0	6,5	6,0	7,0	Khá	
29	Nguyễn Thị Hồng Hà	TAB29	05/9/1995	Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội	TAB7	12/9/2015	12/01/2016	9,0	9,5	6,0	6,0	7,6	Khá	x
30	Vũ Hồng Hà	TAB30	27/6/1994	Vĩnh Tuy - Bắc Quang - Hà Giang				7,5	7,0	7,5	7,0	7,3	Khá	
31	Phạm Thị Hải	TAB31	07/02/1996	Ngọc Vũng - Vân Đồn - Quảng Ninh	TAB10	24/02/2016	24/5/2016	7,0	9,0	6,5	6,0	7,1	Khá	
32	Phạm Thị Thu Hằng	TAB32	02/6/1994	Ngọc Vũng - Vân Đồn - Quảng Ninh	TAB10	24/02/2016	24/5/2016	7,0	9,0	6,5	5,0	6,9	Trung bình	
33	Ngô Thị Bích Hằng	TAB33	14/9/1978	Bắc Ninh	TAB13	24/02/2016	24/5/2016	8,0	9,0	7,5	8,0	8,1	Giỏi	
34	Vàng A Hẫu	TAB34	12/6/1994	Phình Giàng - Điện Biên Đông - Điện Biên	TAB11	24/02/2016	24/5/2016	8,0	9,0	7,0	7,0	7,8	Khá	
35	Nguyễn Thị Hiền	TAB35	05/01/1996	Thanh Luận - Sơn Động - Bắc Giang	TAB10	24/02/2016	24/5/2016	7,5	9,0	6,5	1,0	6,0	Không đạt	
36	Vương Thị Hiền	TAB36	22/10/1996	Vân Chải - Đồng Văn - Hà Giang	TAB11	24/02/2016	24/5/2016	2,5	9,0	6,0	1,0	4,6	Không đạt	
37	Đỗ Văn Hiếu	TAB37	02/4/1995	Bình Sơn - Lục Nam - Bắc Giang	TAB9	12/9/2015	12/01/2016	9,0	9,0	6,5	7,0	7,9	Khá	x
38	Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	TAB38	07/11/1995	Trạm Lộ - Thuận Thành - Bắc Ninh	TAB9	12/9/2015	12/01/2016	8,0	9,5	6,0	5,0	7,1	Trung bình	x
39	Hoàng Xuân Hoa	TAB39	07/7/1996	P. Vệ An - TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	TAB12	24/02/2016	24/5/2016	8,5	8,5	7,5	7,0	7,9	Khá	
40	Thân Thị Hồng	TAB40	03/4/1995	Hợp Đức - Tân Yên - Bắc Giang	TAB7	12/9/2015	12/01/2016	7,5	8,5	6,0	6,0	7,0	Khá	x
41	Đoàn Mạnh Hùng	TAB41	17/4/1995	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	TAB12	24/02/2016	24/5/2016	7,5	9,0	7,0	1,0	6,1	Không đạt	
42	Nguyễn Huy Hùng	TAB42	07/11/1997	P. Khắc Niệm - TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	TAB13	24/02/2016	24/5/2016	2,5	6,5	7,5	1,0	4,4	Không đạt	
43	Nguyễn Văn Huy	TAB43	26/3/1995	Nham Sơn - Yên Dũng - Bắc Giang	TAB10	24/02/2016	24/5/2016	6,0	7,0	6,0	6,0	6,3	Trung bình	
44	Lê Văn Huy	TAB44	25/9/1996	P. Trần Phú - TP. Bắc Giang - Bắc Giang	TAB10	24/02/2016	24/5/2016	9,0	9,0	6,0	0,0	6,0	Không đạt	bỏ nói

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Khóa học		Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nói	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
						Từ	Đến							
45	Ngô Trí Huy	TAB45	18/8/1995	P. Mỹ Độ - TP. Bắc Giang - Bắc Giang	TAB13	24/02/2016	24/5/2016	7,5	9,0	4,5	1,0	5,5	Không đạt	
46	Trần Ngọc Hưng	TAB46	31/10/1983	Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang				8,5	8,0	6,5	7,0	7,5	Khá	
47	Nguyễn Thị Thu Hương	TAB47	09/9/1995	P.Lê Lợi - TP. Bắc Giang - Bắc Giang	TAB10	24/02/2016	24/5/2016	8,0	9,0	4,0	5,0	6,5	Trung bình	
48	Nguyễn Thị Thu Hường	TAB48	15/4/1994	Minh Tân - Phù Cừ - Hưng Yên				7,5	7,0	7,0	7,0	7,1	Khá	
49	Triệu Bằng Khê	TAB49	03/9/1996	Đức Long - Hòa An - Cao Bằng	TAB11	24/02/2016	24/5/2016	3,0	8,5	6,0	1,0	4,6	Không đạt	
50	Phùng Thị Liễu	TAB50	13/9/1995	Yên Thịnh - Hữu Lũng - Lạng Sơn	TAB7	12/9/2015	12/01/2016	8,5	8,5	6,0	7,0	7,5	Khá	x
51	Vũ Kiều Linh	TAB51	16/6/1995	P. Tân An - TX. Nghĩa Lộ - Yên Bái	TAB10	24/02/2016	24/5/2016	2,5	7,5	8,0	6,0	6,0	Không đạt	
52	Nguyễn Diệu Linh	TAB52	07/01/1996	P. Lê Lợi - TP. Bắc Giang - Bắc Giang				7,5	7,0	7,5	7,0	7,3	Khá	
53	Dương Thị Loan	TAB53	06/12/1983	Mỹ Độ - Bắc Giang				8,0	7,0	7,5	7,0	7,4	Khá	
54	Trương Viết Lưu	TAB54	19/8/1995	P. Ngô Quyền - TP. Bắc Giang - Bắc Giang				8,0	7,0	7,5	7,0	7,4	Khá	
55	Tổng Thị Thúy Ly	TAB55	27/9/1996	P. Vạn An - TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	TAB10	24/02/2016	24/5/2016	7,5	8,0	6,5	1,0	5,8	Không đạt	
56	Đào Lê Mai	TAB56	25/12/1996	Phi Mô - Lạng Giang - Bắc Giang	TAB13	24/02/2016	24/5/2016	7,0	8,5	6,5	6,0	7,0	Khá	
57	Thân Thị Mai	TAB57	22/11/1996	Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang	TAB13	24/02/2016	24/5/2016	6,0	8,0	6,0	6,0	6,5	Trung bình	
58	Nguyễn Thị Huyền Mi	TAB58	27/02/1995	Phồn Xương - Yên Thế - Bắc Giang	TAB12	24/02/2016	24/5/2016	6,5	6,0	8,0	6,0	6,6	Trung bình	
59	Trần Thị Trà My	TAB59	12/12/1996	P. Vạn An - TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	TAB10	24/02/2016	24/5/2016	2,0	6,5	6,0	6,5	5,3	Không đạt	
60	Lương Ngọc Nam	TAB60	21/10/1994	Minh Thanh - Nguyên Bình - Cao Bằng	TAB11	24/02/2016	24/5/2016	6,0	7,0	3,5	5,0	5,4	Trung bình	
61	Nguyễn Trung Nam	TAB61	24/02/1996	Lương Phong - Hiệp Hòa - Bắc Giang	TAB12	24/02/2016	24/5/2016	8,0	7,0	6,0	7,0	7,0	Khá	
62	Đỗ Hương Nam	TAB62	27/6/1995	Văn Tiến - TP. Yên Bái - Yên Bái				6,5	4,5	6,0	1,0	4,5	Không đạt	
63	Hoàng Thị Nga	TAB63	19/10/1996	An Bá - Sơn Động - Bắc Giang	TAB10	24/02/2016	24/5/2016	7,0	7,5	8,0	6,0	7,1	Khá	
64	Ngô Thị Nga	TAB64	24/9/1978	Yên Tiến - Ý Yên - Nam Định	TAB13	24/02/2016	24/5/2016	7,5	7,0	7,5	6,0	7,0	Khá	
65	Nguyễn Thị Nhật	TAB65	17/4/1996	Song Liễu - Thuận Thành - Bắc Ninh	TAB13	24/02/2016	24/5/2016	7,5	8,0	6,0	6,5	7,0	Khá	
66	Hà Thị Nhị	TAB66	23/7/1996	Yên Trạch - Cao Lộc - Lạng Sơn	TAB10	24/02/2016	24/5/2016	6,5	8,5	7,5	6,0	7,1	Khá	
67	Hoàng Thị Phương Nhung	TAB67	25/4/1985	TT. Nénh - Việt Yên - Bắc Giang				9,0	6,0	7,5	7,0	7,4	Khá	
68	Vũ Kiều Oanh	TAB68	08/12/1996	Lan Mẫu - Lục Nam - Bắc Giang	TAB12	24/02/2016	24/5/2016	7,0	6,0	5,0	7,5	6,4	Trung bình	
69	Nguyễn Thị Phương	TAB69	20/10/1993	Tân Sỏi - Yên thế - Bắc Giang	TAB11	24/02/2016	24/5/2016	8,5	9,0	7,5	7,0	8,0	Giỏi	

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Khóa học		Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nói	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
						Từ	Đến							
70	Triệu Mùi Pú	TAB70	19/10/1994	Thông Nguyên - Hoàng Su Phì - Hà Giang	TAB9	12/9/2015	12/01/2016	9,0	8,5	6,0	6,0	7,4	Khá	x
71	Tổng Văn Quang	TAB71	10/5/1995	Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	TAB12	24/02/2016	24/5/2016	7,5	8,0	6,0	7,5	7,3	Khá	
72	Nguyễn Thị Thu Quyên	TAB72	07/6/1996	Lam Cốt - Tân Yên - Bắc Giang	TAB12	24/02/2016	24/5/2016	6,0	8,0	7,0	7,0	7,0	Khá	
73	Trần Thị Ngọc Quyên	TAB73	04/6/1996	Liên Sơn - Tân Yên - Bắc Giang	TAB7	12/9/2015	12/01/2016	7,5	9,5	8,0	6,0	7,8	Khá	x
74	Vũ Văn Quyền	TAB74	27/9/1995	Phú Hoà - Lương Tài - Bắc Ninh	TAB9	12/9/2015	12/01/2016	7,0	9,5	6,0	6,0	7,1	Khá	x
75	Trình Văn Thành	TAB75	08/8/1996	Nam Dương - Lục Ngạn - Bắc Giang	TAB11	24/02/2016	24/5/2016	7,5	9,0	5,0	0,0	5,4	Không đạt	bỏ nói
76	Đàm Văn Thành	TAB76	29/12/1996	Sơn Hải - Lục Ngạn - Bắc Giang	TAB11	24/02/2016	24/5/2016	8,0	8,5	6,0	6,0	7,1	Khá	
77	Đinh Công Thành	TAB77	16/11/1992	TT. Ân Thi - Ân Thi - Hưng Yên	TAB12	24/02/2016	24/5/2016	9,0	9,0	8,5	9,0	8,9	Giỏi	
78	Đào Viết Thảo	TAB78	06/10/1995	Gia Phú - Gia Viễn - Ninh Bình	TAB12	24/02/2016	24/5/2016	9,0	8,5	6,0	6,0	7,4	Khá	
79	Nguyễn Văn Thịnh	TAB79	14/6/1995	Liên Chung - Tân Yên - Bắc Giang	TAB13	24/02/2016	24/5/2016	9,0	9,0	6,5	6,0	7,6	Khá	
80	Nguyễn Thị Thịnh	TAB80	28/02/1995	Đồng Phú - Lục Nam - Bắc Giang				7,5	9,0	5,0	7,0	7,1	Trung bình	
81	Trần Thị Thu	TAB81	18/6/1995	Thanh Lâm - Ba Chẽ - Quảng Ninh	TAB10	24/02/2016	24/5/2016	9,0	9,0	6,5	7,0	7,9	Khá	
82	Hoàng Thị Thúy	TAB82	24/10/1994	Tổng Cốt - Hà Quảng - Cao Bằng	TAB12	24/02/2016	24/5/2016	6,5	6,5	7,0	5,0	6,3	Trung bình	
83	Nguyễn Thị Minh Thu	TAB83	19/10/1982	TT Vôi - Lạng Giang - Bắc Giang	TAB13	24/02/2016	24/5/2016	8,0	7,0	7,5	6,0	7,1	Khá	
84	Nguyễn Thị Thương	TAB84	10/11/1996	Cánh Hưng - Tiên Du - Bắc Ninh	TAB13	24/02/2016	24/5/2016	9,0	9,0	7,5	6,0	7,9	Khá	
85	Trần Ngọc Hoài Thương	TAB85	08/10/1996	Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	TAB13	24/02/2016	24/5/2016	9,0	9,0	6,5	7,0	7,9	Khá	
86	Nguyễn Thị Hoài Thương	TAB86	12/11/1994	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang				9,0	9,0	6,0	6,5	7,6	Khá	
87	Nguyễn Hữu Tiệp	TAB87	07/8/1996	Đồng Phương Yên - Chương Mỹ - Hà Nội	TAB12	24/02/2016	24/5/2016	8,5	9,0	7,5	6,0	7,8	Khá	
88	Nguyễn Văn Toàn	TAB88	27/4/1995	Hưng Thịnh - Trấn Yên - Yên Bái	TAB11	24/02/2016	24/5/2016	8,5	9,0	8,0	8,0	8,4	Giỏi	
89	Ngô Thị Bảo Trang	TAB89	13/02/1996	Phú Lâm - Tiên Du - Bắc Ninh	TAB13	24/02/2016	24/5/2016	8,5	9,0	6,5	6,0	7,5	Khá	
90	Lý A Trầu	TAB90	20/4/1993	Cao Phạ - Mù Cang Chải - Yên Bái	TAB11	24/02/2016	24/5/2016	6,5	9,0	6,0		5,4	Không đạt	bỏ nói
91	Bùi Mạnh Trí	TAB91	18/9/1996	Mãn Đức - Tân Lộc - Hòa Bình	TAB11	24/02/2016	24/5/2016							*
92	Nguyễn Văn Trường	TAB92	14/02/1996	Yên Trung - Yên Phong - Bắc Ninh	TAB13	24/02/2016	24/5/2016	8,5	9,0	6,5	6,5	7,6	Khá	
93	Doãn Thị Tường	TAB93	22/5/1970	Ninh Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	TAB13	24/02/2016	24/5/2016	8,0	7,5	7,5	6,0	7,3	Khá	
94	Nguyễn Thị Vân	TAB94	25/11/1996	Đại Xuân - Quế Võ - Bắc Ninh	TAB10	24/02/2016	24/5/2016	8,5	9,0	6,0	6,0	7,4	Khá	

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Khóa học		Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nói	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
						Từ	Đến							
95	Phạm Thị Vi	TAB95	19/5/1994	Khám Lạng - Lục Nam - Bắc Giang	TAB12	24/02/2016	24/5/2016	9,0	9,0	8,0	7,0	8,3	Giỏi	
96	Nguyễn Văn Xếp	TAB96	10/02/1996	Nam Dương - Lục Ngạn - Bắc Giang	TAB11	24/02/2016	24/5/2016	8,0	9,0	7,0		6,0	Không đạt	bỏ nói
97	Trần Thị Hải Yến	TAB97	02/11/1994	An Châu - Sơn Động - Bắc Giang	TAB12	24/02/2016	24/5/2016	8,5	9,0	7,5	7,0	8,0	Giỏi	
98	Nguyễn Ngọc Yến	TAB98	30/4/1985	Phúc Hòa - Tân Yên - Bắc Giang				9,0	8,5	7,5	6,5	7,9	Khá	

Ghi chú:

(*): Thí sinh chuyển kiểm tra đợt sau

(x): Thí sinh có điểm bảo lưu từ các kỳ kiểm tra trước

Tổng số thí sinh theo danh sách: 98

Số thí sinh chuyển kiểm tra đợt sau: 02

Số thí sinh không đạt yêu cầu: 23

Số thí sinh đạt yêu cầu: 73

Trong đó:

Loại Giỏi 9

Loại Khá 50

Loại Trung bình 14

Cán bộ chấm kiểm tra 1

M. Ngô Thị Hằng Anh.

Hoa Nguyễn Thị Hoa

Trưởng ban chấm kiểm tra

Tha

Nguyễn Thị Thuý Lan

Thư ký Hội đồng kiểm tra

Car

Ngô Văn Kiên

Bắc Giang, ngày 06 tháng 6 năm 2016

Chủ tịch Hội đồng kiểm tra

Giám đốc Trung tâm NN-TH

Tha

ThS. Đỗ Thị Huyền

Cán bộ chấm kiểm tra 2

Phạm Thị Ngọc Bích

Hoa Nguyễn Thị Thuý Lan